

QUYẾT ĐỊNH

**V/v v phê duyệt Quy hoạch phát triển nhân lực tỉnh Hải Dương
giai đoạn 2011 - 2020**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND&UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội;

Căn cứ Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội;

Căn cứ Thông tư số 03/2008/TT-BKH ngày 01/7/2008 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn thực hiện Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006, Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008;

Căn cứ Quyết định số 1216/QĐ-TTg ngày 22/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển nhân lực Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020;

Căn cứ Thông báo số 243/TB-VPCP ngày 08 tháng 9 năm 2010 của Văn phòng Chính phủ về Kết luận của Phó Thủ tướng Nguyễn Thiện Nhân tại Hội nghị toàn quốc triển khai việc lập Quy hoạch phát triển nhân lực và công tác dự báo nhu cầu nhân lực qua đào tạo của các Bộ, ngành, địa phương thời kỳ 2011-2020;

Căn cứ văn bản số 1006/BKHĐT-CLPT ngày 22 tháng 02 năm 2011 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn xây dựng Quy hoạch phát triển nhân lực địa phương giai đoạn 2011 - 2020;

Căn cứ văn bản số 5080/BKHĐT-CLPT ngày 02/8/2011 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn hoàn thiện, thẩm định và phê duyệt Quy hoạch phát triển nhân lực của các Bộ, ngành và địa phương giai đoạn 2011 – 2020;

Căn cứ Báo cáo kết quả thẩm định dự án: “Quy hoạch phát triển nhân lực tỉnh Hải Dương giai đoạn 2011 – 2020” số 814/BC-HĐTĐ ngày 20/5/2011;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch & Đầu tư tại tờ trình số 1518/TT-KHĐT-QHTH ngày 29/8/2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án “Quy hoạch phát triển nhân lực tỉnh Hải Dương giai đoạn 2011-2020” với những nội dung cơ bản sau:

1. Tên dự án: “Quy hoạch phát triển nhân lực tỉnh Hải Dương giai đoạn 2011-2020”.

2. Quan điểm phát triển nhân lực giai đoạn 2011 - 2020

Quan điểm phát triển nhân lực của tỉnh dựa trên các nguyên tắc chính là kế thừa, đổi mới và đột phá, được cụ thể hóa như sau:

- Phát triển toàn diện nhân lực về các mặt trí lực, thể lực (bao gồm cả thể trạng, tầm vóc con người), và các yếu tố tạo nên sức mạnh tinh thần của nhân lực.

- Phát triển nhân lực phải thực hiện song song 2 nhiệm vụ cơ bản là xây dựng đội ngũ lao động có chất lượng cao, đi đôi với sử dụng lao động, tạo việc làm, ổn định cho đại bộ phận lao động trong tỉnh.

- Phát triển nhân lực của tỉnh phải đảm bảo tính thời đại.

- Phát triển nhân lực là sự nghiệp vì dân, do dân. Phát triển nhân lực phải đặt trong mối quan hệ gắn kết hữu cơ với phát triển thị trường lao động trong hệ thống thị trường xã hội thống nhất.

- Kết hợp giữa phát triển nhân lực tại chỗ và thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao từ các địa phương khác trong cả nước; chú trọng việc đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực là người dân tộc thiểu số.

3. Mục tiêu phát triển nhân lực giai đoạn 2011 - 2020

- Tới năm 2015, 100% trường mầm non triển khai chương trình giáo dục mầm non mới; 70% số trẻ được tiếp cận với tin học, ngoại ngữ. Tỷ lệ tốt nghiệp THPT đạt 97-98%. Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia mầm non đạt 50%, trường tiểu học 80%, trường THCS 50%, THPT là 24 trường.

- Quy mô đào tạo đến năm 2015 của các trường chuyên nghiệp của tỉnh đạt 16.000 học sinh sinh viên, các trường của trung ương là 40.200 học sinh sinh viên. Đào tạo và dạy nghề cho khoảng 71.500 lao động. Thu hút từ 10 - 15% học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở vào học Trung học chuyên nghiệp và dạy nghề. Đào tạo chính quy trình độ đại học, cao đẳng từ 8.000 - 11.000 sinh viên. 100% các trường đại học, cao đẳng thực hiện đào tạo theo học chế tín chỉ.

- Nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo, phần đầu năm 2015 đạt 55% và năm 2020 đạt 75-80%.

4. Các chương trình, dự án ưu tiên

4.1. Hoàn thiện và nâng cao chất lượng mạng lưới cơ sở đào tạo nhân lực

a. Về hệ thống cơ sở giáo dục

Hoàn thiện và thực hiện đề án phổ cập giáo dục phổ thông. Phát triển cơ sở vật chất, thiết bị trường học theo hướng hiện đại, chuẩn hóa, đồng bộ và xã hội hóa.

Xây dựng Đề án phát triển hệ thống trường học ngoài công lập, các trung tâm học tập cộng đồng và hệ thống giáo dục không chính quy để tạo điều kiện cho mọi người có thể học tập ở mọi trình độ, mọi lứa tuổi, phù hợp với hoàn cảnh của mình.

b. Về hệ thống cơ sở đào tạo dạy nghề

Triển khai lập và thực hiện Quy hoạch về phát triển mạng lưới đào tạo dạy nghề của tỉnh Hải Dương giai đoạn 2010-2020.

Thực hiện Đề án dạy nghề cho lao động nông thôn giai đoạn 2011-2020; Quy hoạch đào tạo nghề tỉnh Hải Dương giai đoạn 2009-2015 và định hướng đến 2020; Đề án nâng cấp và đầu tư hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng cho 8 trung tâm hướng nghiệp dạy nghề hiện có; hình thành các trung tâm hướng nghiệp dạy nghề ở các huyện chưa có.

4.2. Đào tạo, phát triển nhân lực trong lĩnh vực hành chính, sự nghiệp

Xây dựng và thực hiện Đề án: “Đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực chất lượng cao cho các cơ quan nhà nước tỉnh” gắn với thực hiện chính sách ưu đãi, thu hút nhân tài phù hợp. Chú trọng đào tạo và đào tạo lại cán bộ lãnh đạo – những người ra quyết định ở cấp tỉnh, huyện và xã.

Xây dựng và thực hiện Đề án đào tạo sau đại học cho cán bộ tham mưu và chuyên gia trong các lĩnh vực tại các cơ quan quản lý nhà nước của tỉnh. Chú trọng đào tạo sau đại học tại nước ngoài.

Xây dựng và triển khai Đề án đào tạo cán bộ, viên chức ngành giáo dục đào tạo và y tế.

4.3. Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích đào tạo nhân lực tại doanh nghiệp

Tiến hành xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích đào tạo nhân lực tại doanh nghiệp theo hướng:

- Cơ chế, chính sách đối với người lao động: có chế độ cụ thể về lương và các khoản thu nhập khác đối với các loại lao động có trình độ kỹ năng nghề khác nhau.

- Cơ chế, chính sách đối với đơn vị, tổ chức doanh nghiệp sử dụng lao động: Nhà nước có quy định cụ thể yêu cầu các đơn vị, tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp sử dụng lao động qua đào tạo phải trả tiền cho đơn vị đào tạo. Ngoài ra các doanh nghiệp phải có nghĩa vụ phối hợp với các trường nghề trong quá trình đào tạo nghề.

- Cơ chế, chính sách hỗ trợ cho sinh viên có thành tích học tập xuất sắc và sinh viên có giải ở các trường THPT của các trường bằng việc tinh đầu kinh phí học tập cho các sinh viên này trong suốt thời gian học tại trường đại học, nhằm bổ sung nguồn nhân lực của tỉnh trong tương lai.

- Có cơ chế chính sách ưu tiên, hỗ trợ đối với cơ sở đào tạo nhân lực trong xây dựng cơ bản, sử dụng dịch vụ thông tin quảng cáo của Đài, Báo tỉnh...

4.4. Thu hút chuyên gia trình độ cao và nhân tài

Chính sách ưu đãi về tiền lương, tiền thưởng và các loại phụ cấp bằng tiền khác, bao gồm cả việc cấp học bổng cho học sinh, sinh viên xuất sắc với yêu cầu phải quay lại Hải Dương làm việc sau khi tốt nghiệp.

Các cơ chế, chính sách khuyến khích khác : ưu đãi về nhà ở, phương tiện đi lại dành cho người có bằng cấp cao, nghệ nhân ..

4.5. Phát triển đào tạo đội ngũ công nhân kỹ thuật và lao động nông nghiệp

Tiên hành xây dựng, phát triển đội ngũ công nhân kỹ thuật theo hướng :

- Xây dựng và thực hiện Đề án “Đào tạo công nhân kỹ thuật phục vụ các ngành công nghiệp phục vụ các khu công nghiệp và một số lĩnh vực kinh tế chủ đạo của tỉnh”.

- Tăng cường đào tạo nghề cho lao động ở khu vực nông thôn với ngành, nghề đa dạng, nhằm phát huy nguồn nhân lực tại chỗ.

5. Giải pháp phát triển nhân lực

5.1. Đổi mới quản lý nhà nước về phát triển nhân lực

- Nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và toàn xã hội về phát triển nhân lực.

- Hoàn thiện bộ máy quản lý phát triển nhân lực, nâng cao năng lực, hiệu quả và hiệu lực của bộ máy quản lý.

- Cải tiến và tăng cường sự phối hợp giữa cấp, ngành về phát triển nhân lực.

5.2. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống cơ chế chính sách khuyến khích, thúc đẩy phát triển nhân lực

- Chính sách đầu tư và chính sách chuyển dịch cơ cấu kinh tế

- Chính sách tài chính và sử dụng ngân sách cho phát triển nhân lực

- Chính sách việc làm, bảo hiểm và bảo trợ xã hội và nâng cao sức khỏe của người lao động.

- Chính sách huy động các nguồn lực trong xã hội cho phát triển nhân lực

- Chính sách đãi ngộ và thu hút nhân tài

- Chính sách phát triển thị trường lao động và hệ thống công cụ, thông tin thị trường lao động

5.3. Mở rộng, tăng cường sự phối hợp và hợp tác để phát triển nhân lực

- Tăng cường phối hợp và hợp tác với các cơ quan, tổ chức Trung Ương

- Tăng cường phối hợp và hợp tác với các tỉnh, thành phố

- Mở rộng và tăng cường hợp tác quốc tế.

6. Vốn và nguồn vốn thực hiện quy hoạch

6.1. Nhu cầu vốn

Tổng nhu cầu vốn giai đoạn 2011 – 2020 (không kể chi thường xuyên):

5.546 tỷ đồng, trong đó:

+ Nhu cầu vốn cho đào tạo nhân lực giai đoạn 2011-2020: 1.593 tỷ đồng.

+ Nhu cầu vốn đầu tư xây dựng/cải tạo cơ sở đào tạo giai đoạn 2011-2020:

3.953 tỷ đồng

6.2. Cơ cấu nguồn vốn

+ Ngân sách tỉnh: 30%.

+ Ngân sách Trung ương và các nguồn khác: 70% tổng vốn dự báo.

Điều 2. Các Sở: KH&ĐT, Tài chính, GD-ĐT, LĐ-TB&XH theo chức năng nhiệm vụ được giao, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh, Giám đốc các sở: Tài chính, KH&ĐT, GD-ĐT, LĐ-TB&XH, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh, Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã căn cứ quyết định thi hành. / *kt*

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch & Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Tổng cục Thống kê;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Các CV VP UBND tỉnh;
- Như điều 3;
- Lưu VP, Ô Tiếp (60). *ll*

(để
báo
cáo)



Nguyễn Mạnh Hiễn